

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu
bồi thường thiệt hại tài sản, di dời cây
trên đất và yêu cầu hủy một phần
Quyết định giao hồ sơ quản lý và
sử dụng rừng và đất trồng rừng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Mạnh Dũng

Bà Lâm Thị Vên

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Các ngày 22 và 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST- DSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản, yêu cầu di dời cây trên đất và hủy một phần Quyết định giao hồ sơ quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Văn V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nông Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hứa Văn N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam S - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Chu Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Chị Phùng Thị B, sinh năm 1974. Vắng mặt.

4. Anh Chu Văn T1, sinh năm 1995. Vắng mặt.

5. Chị Chu Thị T2, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh Chu Văn Đ, chị Phùng Thị B, anh Chu Văn T1: là Chị Nông Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 19/5/2018 và ngày 13/6/2018). Có mặt.

6. Chị Hứa Thị X, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Bình Gia. Có mặt.

7. Chị Hứa Thị K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

8. Chị Hứa Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

9. Chị Hứa Thị E, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

10. Anh Hứa Văn T3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

11. Anh Hứa Văn T4, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

12. Chị Hứa Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chu Văn V trình bày: Gia đình có diện tích đất rừng tại Pò Lườn Cẩu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nguồn gốc là của cha ông để lại cho bố anh là Chu Văn H và mẹ là Lý Thị L, sau khi ly hôn bố, mẹ đã để lại toàn bộ tài sản của gia đình trong đó có đất rừng tại Pò Lườn Cẩu, thôn B cho anh Chu Văn V quản lý canh tác, đến năm 1994 anh đã kê khai và được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ Bìa xanh) tại lô số 43 mang tên Chu Văn V theo quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích được giao là 01ha. Các năm 1994, 1995 anh trồng hồi, đến cuối năm 1995 vợ chồng anh vào Miền Nam sinh sống, đã giao lại đất rừng cho em trai là Chu Văn Đ và em dâu là Nông Thị T trông coi hộ, gia đình em trai vẫn tiếp tục quản lý sử dụng ổn định, không ai đến tranh chấp. Đến tháng 07/2017 thì có anh Hứa Văn N đến phát một phần diện

tích đất rừng, đốt đi 09 cây hồi để trồng cây keo, từ đó mới xảy ra tranh chấp. Tài sản trên đất gồm: 15 cây hồi do nguyên đơn trồng năm 1994 và năm 1995; 01 cây xoan tự mọc và 597 cây keo do anh Hứa Văn N trồng sau khi xảy ra tranh chấp. Nay anh yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 1.991,3m² và sở hữu tài sản trên đất là 15 cây hồi, 01 cây xoan, yêu cầu anh Hứa Văn N phải bồi thường 09 cây hồi bị đốt cháy với số tiền là 3.600.000 đồng và di dời toàn bộ cây keo ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

Bị đơn anh Hứa Văn N trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp có tên gọi là Pò Lọ Nhàu, nguồn gốc là của bố, mẹ để lại từ năm 1991 (bố là Hứa Văn Q, mẹ là Lý Thị N đều đã chết). Hàng năm gia đình anh canh tác trồng hoa màu ngắn ngày, năm 1994 anh nhận hồi của dự án cấp lấy về trồng và cùng bố là Hứa Văn Q đã đi kê khai xin cấp sổ Bìa xanh, nhưng không được nhận sổ, đến năm 1999 anh tiếp tục đi kê khai thêm một lần nữa nhưng các hộ khác được cấp sổ nhưng gia đình anh vẫn không được cấp. Việc gia đình anh Chu Văn V được cấp sổ Bìa xanh tại Pò Lườn Cáu anh cũng được biết, nhưng vì nghĩ được cấp tại vị trí không tranh chấp nên gia đình anh không có ý kiến gì. Khi gia đình phát cây bụi để trồng cây thì chị Nông Thị T có gọi chính quyền địa phương đến giải quyết, hai bên đã thống nhất được đường ranh giới và phát cỏ tạo thành đường phân chia, nhưng không đào hào chia ranh giới và cũng không lập thành văn bản, do vậy nay cỏ mọc lại nên chị Nông Thị T lại chỉ đến mốc hiện nay đang tranh chấp. Nay anh không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra. Anh yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 1.991,3m², yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 15 cây hồi, 597 cây keo, 01 cây xoan. Yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về việc giao quyền quản lý đất rừng cho anh Chu Văn V đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Anh Hứa Văn N khẳng định diện tích đất rừng đang tranh chấp là tài sản của riêng vợ chồng anh, không liên quan gì đến các anh, chị em ruột là chị Hứa Thị X, chị Hứa Thị K, chị Hứa Thị H, chị Hứa Thị E, anh Hứa Văn T3, anh Hứa Văn T4 vì họ đều đã có gia đình riêng. Riêng đối với chị Hứa Thị K, thời điểm bố, mẹ chia đất cho anh còn nhỏ, sống phụ thuộc gia đình, không trực tiếp canh tác, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp, do vậy anh yêu cầu không đưa các chị, em ruột vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho anh Chu Văn Đ, chị Phùng Thị B, anh Chu Văn T1, chị Chu Thị T2 trình bày về nguồn gốc và quá trình sử dụng như nội dung trình bày của anh Chu Văn V. Đến năm 2017 anh Hứa Văn N đến phát rừng trồng cây mới xảy ra tranh chấp, vụ việc được Ủy ban nhân dân xã H giải quyết thì gia đình mới phát hiện sổ Bìa xanh đã bị tẩy xóa phần diện tích được giao từ 01ha thành 0,5ha, việc tẩy xóa sửa chữa gia đình chị không ai hay biết. Anh Hứa Văn N đã đốt đi 09 cây hồi nay còn nguyên gốc nhưng đã chết khô, trên đất còn 15 cây hồi còn sống, hàng năm đã được thu hái hoa hồi. Khi hòa giải việc tranh chấp ở Ủy ban nhân dân xã H, huyện B chị đã chỉ ranh giới lô đất, tuy nhiên việc thỏa thuận không lập thành văn bản mà chỉ nói bằng miệng, nay anh Hứa Văn N không thực hiện theo thỏa thuận,

vẫn cố tình lấn chiếm và trồng thêm cây keo. Nay chị yêu cầu anh Hứa Văn N chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất và tài sản cho anh Chu Văn V và di dời cây keo ra khỏi đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn chị Phùng Thị B, anh Chu Văn Đ, anh Chu Văn T1, chị Chu Thị T2 trình bày tại các bản tự khai đều khẳng định phần diện tích đất này là tài sản của gia đình. Từ khi gia đình anh Chu Văn V vào Miền Nam sinh sống, đã để lại cho gia đình anh Chu Văn Đ, chị Nông Thị T quản lý, trông coi hộ. Nay đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là anh Chu Văn V và chị Nông Thị T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Chu Văn V được quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chị Hứa Thị X, chị Hứa Thị K, chị Hứa Thị H, chị Hứa Thị E, anh Hứa Văn T3, anh Hứa Văn T4, chị Hoàng Thị P đều thống nhất với lời trình bày của anh Hứa Văn N, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Hứa Văn N được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên, đồng thời từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn trình bày tại phiên tòa và tại văn bản số: 1398/UBND-TNMT ngày 29/11/2018: Diện tích đất tranh chấp có một phần nằm trong lô số: 43 được giao cho anh Chu Văn V theo Quyết định số: 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, nay là thửa 47 diện tích 74.269m², một phần nằm trong thửa 57 mang tên Hứa Văn Q. Thời điểm năm 1994 - 1999 gia đình Hứa Văn Q, Hứa Văn N chưa thực hiện kê khai đối với diện tích đất đang tranh chấp tại Pò Lườn Cẩu, thuộc thôn B. Việc giao đất rừng theo Quyết định số 179 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục về việc giao đất. Diện tích đất tranh chấp trên thửa 47 tên Chu Văn V là 1.298,9m², diện tích trên thửa 57 tên Hứa Văn Q là 692,3m². Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp không nằm trong diện quy hoạch của xã H, huyện B. Nay quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo thực tế hộ gia đình đang sử dụng đất.

Người làm chứng Chu Văn P (tức Chu Văn Đ), Chu Văn T5 trình bày xác nhận diện tích đất đang tranh chấp có tên gọi là Pò Lườn Cẩu, thôn B, nguồn gốc là của bố, mẹ chia cho anh Chu Văn V, anh Chu Văn V đã được cấp sổ Bìa xanh từ năm 1994, gia đình anh Chu Văn Đ được giao trông coi hộ đã thường xuyên canh tác đất, không ai đến tranh chấp. Đến năm 2017 gia đình Hứa Văn N mới phát rừng trồng cây, dẫn đến xảy ra tranh chấp. Ông Chu Văn T5 khẳng định khi anh Chu Văn V gửi sổ Bìa xanh thì ông không để ý đến nội dung ghi trong sổ, đến năm 2009 các hộ gia đình kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính quyền địa phương mượn sổ Bìa xanh của anh Chu Văn V, hơn 01 năm sau mới trả lại, ông cũng không phát hiện sổ bị chỉnh sửa diện tích đất được giao cho anh Chu Văn V. Đến năm 2017 khi hai gia đình tranh chấp đất mới biết rằng sổ Bìa xanh đã bị chỉnh sửa diện tích.

Người làm chứng: ông Chu Văn M, ông Chu Mạnh C, anh Lý Văn A, anh Lý Văn T6 trình bày: Điều cho rằng biết gia đình anh Hứa Văn N có đất tại khu vực Pò Lọ Nhàu, khi xảy ra tranh chấp vụ việc đã được hòa giải tại thôn B với sự có

mặt các thành viên trong tổ hòa giải, nhưng do hai bên đã tự thỏa thuận được việc sử dụng đất, tự phát đường ranh giới nên tổ hòa giải không tiến hành lập biên bản.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/10/2018 xác định diện tích đất tranh chấp là 1.991,3m² thuộc lô số 43 bản đồ số 01 đo vẽ năm 1994 bản đồ giao đất giao rừng xã H, nay thuộc thửa 47 tờ bản đồ số 02 của xã H đo vẽ năm 2009. Có các hướng tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất Hứa Văn N có cạnh dài 10,6m + 43,0m (E, F, G); Phía Tây giáp đất anh Chu Văn V có cạnh dài 36 + 22,5 + 35,7m (A, I, I', H); Phía Nam giáp đường mòn lên nhà Hứa Văn N có cạnh dài 13,4m (A, B); Phía Bắc giáp đỉnh đồi đất nhà Lý Văn Đ có cạnh dài 17,0m (G, H). Tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm: 15 cây hồi nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng được trồng năm 1994, 1995; 597 cây keo anh Hứa Văn N trồng năm 2017, 2018. 01 cây xoan. 09 cây hồi đã chết do anh Hứa Văn N đốt tháng 7/2017 vẫn còn nguyên gốc. Các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định, kiểm đếm tài sản và định giá tài sản ngày 09/10/2018. Tổng giá trị diện tích đất và tài sản trên đất (trong đó có 09 cây hồi bị chết các đương sự tự thỏa thuận 400.000 đồng/1cây) là 29.948.500 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ngày 29/11/2018 tiến hành xem xét thẩm định bổ sung theo ranh giới các bên xác định, cạnh H - G phía Bắc giáp đỉnh đồi đất nhà Lý Văn Đ có chiều dài là 19m nhưng tổng diện tích đất chênh lệch so với kết quả đo ngày 09/10/2018 không đáng kể (là 0,1m), về giá trị đất và tài sản không thay đổi. Xác định theo hiện trạng sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.191,2m², trong đó diện tích đất tranh chấp là một phần nằm trong thửa 47 có tên Chu Văn V diện tích là 1.298,9m², tài sản trên đất là 11 cây hồi, 390 cây keo; một phần nằm trong thửa 57 trên bản đồ ghi tên Hứa Văn Q (bố của Hứa Văn N) diện tích là 692,3m², tài sản trên đất là 04 cây hồi còn sống, 09 cây hồi bị đốt chết cháy còn nguyên gốc, 207 cây keo.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp không ai xuất trình thêm tài liệu chứng cứ, tại phiên hòa giải các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về quyền sử dụng đất và di dời cây trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Hứa Văn N được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại Pò Lườn Cẩu, thôn B và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, đề nghị hủy 01 phần Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về việc giao quyền quản lý đất rừng cho anh Chu Văn V đối với phần diện tích đất tranh chấp. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết, quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nguyên tắc xét

xử theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn V đối với diện tích đất tranh chấp là 1.298,9 m² và được sở hữu tài sản trên đất là 11 cây hồi, 01 cây xoan, 390 cây keo tại Pò Lườn Cẩu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Không chấp nhận yêu cầu của anh Chu Văn V đối với phần diện tích đất trong thửa 57 và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 09 cây hồi. Anh Hứa Văn N được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 692,3m² tại Pò Lườn Cẩu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 57 thuộc tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2009 và sở hữu tài sản trên đất là 04 cây hồi, 207 cây keo. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về giao quyền quản lý rừng và đất rừng cho anh Chu Văn V đối với phần diện tích đất tranh chấp trong lô 43 (thửa 47). Về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Diện tích đất tranh chấp có một phần nằm trong lô 43 (nay là thửa 47) mang tên Chu Văn V theo Quyết định giao đất rừng số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án những người làm chứng là ông Chu Văn P ông Chu Văn T5 đều xác định diện tích đất tranh chấp do gia đình Chu Văn V, Chu Văn Đ quản lý sử dụng thường xuyên.

Tình tiết sự kiện phải chứng minh: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu đòi cây trên đất và hủy Quyết định giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, theo Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều khoản 6, 9 Điều 26; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ việc đã được hòa giải ở cơ sở, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn anh Chu Văn Đ, chị Phùng Thị B, anh Chu Văn T1, chị Chu Thị T2 đã ủy quyền cho chị Nông Thị T, ông Chu Văn H, bà Tô Thị L đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Hứa Thị K là em ruột của bị đơn, quá trình giải quyết vụ án anh Hứa Văn N đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo, giao lại văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Hứa Thị K, nhưng chị Hứa Thị K không đến, anh Hứa Văn N khẳng định các anh, chị em, ruột đều đã ở riêng, không còn liên quan đến diện tích đất tranh chấp, đề nghị không đưa các anh, chị em ruột vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan. Căn cứ khoản 17 Điều 70; Điều 227; 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp có địa danh là Pò Lườn Cáu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là đất rừng sản xuất. Theo biên bản ngày 12/8/2017 của Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì đất tranh chấp trước đây là của anh Chu Văn V đã được cấp sổ Bìa xanh từ năm 1994, hàng năm gia đình anh Chu Văn V, anh Chu Văn Đ canh tác, trồng hồi. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 và biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 29/11/2018 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 47 có tên Chu Văn V diện tích là 1.298,9m², một phần nằm trong thửa 57 trên bản đồ ghi tên Hứa Văn Q (bố của Hứa Văn N) diện tích là 692,3m².

[4] Xét yêu cầu của anh Chu Văn V về quá trình sử dụng đất thì gia đình anh Chu Văn V được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1994 diện tích được giao là 01ha, diện tích hiện nay đang tranh chấp có một phần nằm trong thửa 47 là 1.298,9m². Năm 1995 anh Chu Văn V chuyển vào Miền Nam sinh sống đã nhờ em trai là Chu Văn Đ trông coi hộ, gia đình anh Chu Văn Đ, chị Nông Thị T thường xuyên canh tác, sử dụng ổn định, được những người làm chứng là ông Chu Văn Tiên, ông Chu Văn P xác nhận. Việc giao đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và Nghị định 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Nay đất không nằm trong diện quy hoạch của xã H. Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng đất của anh Chu Văn V được bố là Chu Văn H để lại cho có đường ranh giới từ khe cạn lên đến đỉnh đồi, qua đồi chiếu với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, bản đồ và các tài liệu có trong hồ sơ việc ông H khẳng định như trên là khớp với đường ranh giới trên bản đồ và tại thực địa được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định và sơ họa ngày 29/11/2018 có các điểm B1-D-O, do vậy chỉ chấp nhận cho anh Chu Văn V được quản lý, sử dụng đất là 1.298,9m² thuộc thửa 47 và sở hữu tài sản đang trên phần đất tranh chấp là 11 cây hồi, 01 cây xoan là phù hợp Điều 115; 180 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về di dời cây keo do bị đơn trồng trên đất tranh chấp thấy rằng: Do cây được trồng từ tháng 4/2017 và đầu năm 2018 nay đã phát triển tốt có đường kính trung bình 0,5cm, cao từ 01 -> 1,5m, khi đang xảy ra tranh chấp anh Hứa Văn N vẫn cố tình trồng cây trên đất của người khác. Căn cứ văn bản số: 302/NN ngày 08/11/2018 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, nếu di dời cây sẽ không đảm bảo sống, do đó nay anh Chu Văn V được quản lý sử dụng đất thì được sở hữu 390 cây keo, anh Chu Văn V phải thanh toán cho anh Hứa Văn N tương ứng số tiền là 3.120.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của bị đơn anh Hứa Văn N: Thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh cho rằng được quản lý sử dụng đất thường xuyên, đã kê khai xin cấp sổ Bìa xanh, việc anh chưa được cấp sổ là do thiếu sót, nhưng anh không có tài liệu gì chứng minh cho việc kê khai. Hơn nữa tại văn bản số 81/BC-UBND ngày 01/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B và văn bản số 259/CV-KL ngày 20/11/2018 của Hạt kiểm lâm huyện B thấy rằng gia đình ông Hứa Văn Q,

anh Hứa Văn N chưa thực hiện kê khai đối với diện tích đất đang tranh chấp. Nay anh Hứa Văn N đòi quyền quản lý và sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất là không có căn cứ, bởi một phần đất tranh chấp 1.298,9m² đã được cấp sổ Bìa xanh cho anh Chu Văn V, diện tích còn lại là 692,3m² cả hai bên đều không chứng minh được nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng. Tuy nhiên căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2018 thấy rằng diện tích 692,3m² thuộc một phần trong lô 57 mang tên Hứa Văn Q (là bố đẻ của anh Hứa Văn N), diện tích đất này không nằm trong diện quy hoạch của xã H, do vậy nay anh Hứa Văn N được quản lý, sử dụng và sở hữu 207 cây keo, 04 cây hồi là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu của bị đơn về hủy một phần Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho anh Chu Văn V đối với một phần diện tích đất tranh chấp, việc giao đất là đúng trình tự, thủ tục theo Nghị định số: 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính Phủ Ban hành quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Nay anh Hứa Văn N yêu cầu hủy 01 phần quyết định giao đất cho anh Chu Văn V đối với phần diện tích đất đang tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về tài sản trên đất: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng được trồng hồi năm 1994, 1995, nhưng cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó căn cứ thực tế sử dụng đất hiện nay tài sản trên phần đất của ai thì do người đó được sở hữu, sử dụng.

[9] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Chu Văn V đối với 09 cây hồi: Quá trình giải quyết vụ án anh Hứa Văn N thừa nhận được đốt cháy để trồng cây keo, nhưng 09 cây hồi này hiện nay nằm trên phần diện tích thửa 57 anh Hứa Văn N được sử dụng, do đó anh Chu Văn V yêu cầu bồi thường là không có cơ sở.

[10] Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn: chị Nông Thị T, anh Chu Văn Đ, chị Phùng Thị B, anh Chu Văn T1, chị Chu Thị T2, ông Chu Văn H, bà Tô Thị L đều thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, nay không có yêu cầu độc lập do vậy được chấp nhận.

[11] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Hứa Văn T4, anh Hứa Văn T3, chị Hứa Thị X, chị Hứa Thị H, chị Hứa Thị E, chị Hứa Thị K không có yêu cầu độc lập, anh Hứa Văn N khẳng định không liên quan đến diện tích đất tranh chấp, yêu cầu không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan và được các anh, chị em nhất trí là tự nguyện, không trái pháp luật, do vậy được chấp nhận.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí cho xem xét thẩm định và định giá ngày 09/10/2018 và ngày 29/11/2018 là 6.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157, Điều 158 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn cùng phải chịu mỗi người ½ là phù hợp. Xác nhận nguyên đơn đã tạm nộp trước 6.000.000 đồng, nay buộc anh Hứa Văn N phải trả lại cho anh Chu Văn V số tiền 3.000.000 đồng.

[13] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Chu Văn V được chấp nhận một phần, do vậy phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: diện tích đất $692,3m^2 \times 5.000 \text{ đồng} = 3.461.500 \text{ đồng}$ + 04 cây hời có đường kính 10 -> 15cm $\times 850.000 \text{ đồng} = 3.400.000 \text{ đồng}$ + 09 cây hời bị đốt cháy $3.600.000 \text{ đồng}$ + giá trị yêu cầu di dời 390 cây keo trên phần đất được quản lý sử dụng $3.120.000 \text{ đồng} = 13.581.500 \text{ đồng} \times 5\% = 679.000 \text{ đồng}$.

Theo quy định anh Hứa Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận về đất, tài sản trên đất là $1.298,9m^2 \times 5.000 \text{ đồng} = 6.494.500 \text{ đồng}$ + 390 cây keo $\times 8.000 \text{ đồng} = 3.120.000 \text{ đồng}$ + 11 cây hời = $12.000.000 \text{ đồng}$ + 01 cây xoan $66.000 \text{ đồng} = 21.680.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.084.000 \text{ đồng}$. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hứa Văn N có đơn xin miễn giảm tiền án phí, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B là công dân xã Vùng ba đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ. Do vậy anh Hứa Văn N được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa hôm nay về quyền quản lý sử dụng đất và hủy một phần Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia là không căn cứ chấp nhận toàn bộ, do vậy chỉ được chấp nhận 01 phần cho anh Hứa Văn N được quản lý sử dụng một phần đất tranh chấp như phân tích tại phần nhận định trên.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp nhận định của hội đồng xét xử, nên cần xem xét trong phần quyết định.

[16] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; 143; 147; 156; 157; 158; 165; 186; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 115; 186; 190; 357; khoản 1 Điều 584; 585; 586 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 10; khoản 5, 7 Điều 50; Điều 105; Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2003; Điều 100; 202; 203 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn V cụ thể như sau: Anh Chu Văn V được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là $1.298,9 m^2$ tại Pò Lườn Cáu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần lô 43 (nay là thửa 47) thuộc tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2009 mang tên Chu Văn V, theo Quyết định số 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên đất là 11 cây hời, 01 cây xoan. Có các hướng tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần diện tích đất anh Hứa Văn N được quản lý sử dụng có chiều dài 35,6m +

12,2m + 44m (các điểm B1-C-D-O); Phía Tây giáp đất ông Chu Văn V đang sử dụng có chiều dài 36m + 22,5m + 35,7m (các điểm A2-I'-I-H); Phía Nam giáp đường mòn có chiều dài 13,4m (các điểm A2-B1); Phía Bắc giáp đỉnh đồi đất nhà ông Lý Văn Đ có chiều dài 10,5m (các điểm H-O). (Có sơ họa vẽ ngày 29/11/2018 kèm theo). Anh Chu Văn V thanh toán giá trị 390 cây keo cho anh Hứa Văn N với số tiền là tiền là 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Chu Văn V đối với diện tích đất 692,3m² tại Pò Lườn Cẩu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 57 thuộc tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2009 và toàn bộ tài sản trên đất.

1.2. Anh Hứa Văn N được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 692,3m² tại Pò Lườn Cẩu, thuộc Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 57 thuộc tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2009 và sở hữu tài sản trên đất là 04 cây hồi, 207 cây keo. Có các hướng tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần diện tích đất nhà anh Hứa Văn N đang sử dụng có chiều dài 43m (các điểm F-G); Phía Tây giáp đất anh Chu Văn V được quản lý sử dụng có chiều dài 35,6m + 12,2m + 44m (các điểm B1-C-D-O); Phía Nam giáp đất anh Hứa Văn N đang sử dụng có chiều dài 12,2m + 11,4m + 10,6m (các điểm C-D-E-F); Phía Bắc giáp đỉnh đồi đất nhà ông Lý Văn Đ có chiều dài 8,5m (các điểm O-G). (Có sơ họa vẽ ngày 29/11/2018 kèm theo).

1.3. Khi án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền đối với phần diện tích đất được quản lý sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Hứa Văn N về yêu cầu hủy một phần Quyết định 179/UB-QĐ ngày 16/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho anh Chu Văn V đối với một phần diện tích đất 1.298,9 m² thuộc lô 43 (nay là thửa 47) thuộc tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2009.

3. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của anh Chu Văn V đòi anh Hứa Văn N bồi thường 09 cây hồi bị cháy với số tiền là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

4. Về án phí:

4.1. Anh Chu Văn V phải chịu 679.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Chu Văn V đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2012/02481 ngày 16/7/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Nay phải nộp thêm 79.000 đồng (Bảy mươi chín nghìn đồng).

4.2. Anh Hứa Văn N được miễn án phí với số tiền là 1.084.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng)

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn). Xác nhận nguyên đơn đã tạm nộp trước. Buộc anh Hứa Văn N phải trả lại cho anh Chu Văn V 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền không trả số tiền nêu trên, thì phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

6. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND huyện Bình Gia;
- CC.THA DS huyện Bình Gia;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước

